

TỔNG CTCP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVS) – CẬP NHẬT

Giá thị trường	Giá mục tiêu	Tỷ suất cổ tức	Khuyến nghị	Ngành
VND22.000	VND35.500	4,54%	KHẢ QUAN	Dầu khí

Ngày 10/05/2022

Triển vọng ngắn hạn:	Tích cực
Triển vọng dài hạn:	Tích cực
Định giá:	Tích cực

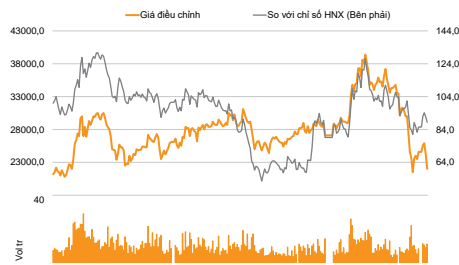
Consensus*: Mua:3 Giữ:6 Bán:1

Giá mục tiêu/Consensus: -6,3%

Thay đổi trọng yếu trong báo cáo

> N/A

Diễn biến giá



Nguồn: VND RESEARCH

Thông tin cổ phiếu

Cao nhất 52 tuần (VND)	39.400
Thấp nhất 52 tuần (VND)	20.800
GTGDBQ 3 tháng (tr VND)	337.984
Thị giá vốn (tỷ VND)	11.567
Free float (%)	49
P/E trượt (x)	17,5
P/B hiện tại (x)	0,89

Cơ cấu sở hữu

PVN	51,4%
Khác	48,6%

Nguồn: VND RESEARCH

Chuyên viên phân tích:



Nguyễn Ngọc Hải

hai.nguyennhoc2@vndirect.com.vn

www.vndirect.com.vn

Phục hồi mạnh mẽ đến từ các HĐKD cốt lõi

- Lợi nhuận (LN) ròng Q1/22 tăng 49,5% svck đạt 216 tỷ đồng, cao hơn mức tăng 30% svck của Q1/21, hoàn thành 23% dự phóng của chúng tôi.
- Chúng tôi kỳ vọng môi trường giá dầu cao hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho PVS trong việc đàm phán gia hạn các hợp đồng FSO/FPSO.
- Nâng khuyến nghị lên Khả Quan do giá cổ phiếu đã về vùng hấp dẫn.

KQKD Q1/22 tăng mạnh, đánh dấu sự phục hồi của các HĐKD cốt lõi

Doanh thu Q1/22 tăng 44,2% svck đạt 3.769 tỷ đồng nhờ đóng góp từ các hợp đồng EPC được ký kết trong nửa cuối 2021. Tuy nhiên, LN gộp Q1/22 chỉ tăng 7,8% svck do các dự án này đang trong giai đoạn đầu. Trong kỳ, chi phí QLDN giảm 21,2% svck nhờ chi phí nhân công và chi phí dự phòng thấp hơn, đồng thời thu nhập (TN) từ công ty liên kết tiếp tục đóng vai trò chính trong HĐKD của PVS với tốc độ tăng trưởng 13,8% đạt 162 tỷ đồng. Kết quả, LN ròng tăng 49,5% svck lên 216 tỷ đồng, hoàn thành 23% dự phóng cả năm của chúng tôi.

Môi trường giá dầu cao là lý tưởng để gia hạn các hợp đồng FSO/FPSO

Trong Q4/21, PVS ghi nhận khoản TN từ công ty liên kết âm chủ yếu do công ty đã ghi nhận chi phí dự phòng cho FPSO Lam Sơn do chưa chốt được hợp đồng gia hạn sau ngày 30/06/2022. Theo chúng tôi, giá dầu cao như hiện nay sẽ là điều kiện lý tưởng để PVS đàm phán gia hạn hợp đồng cho FPSO Lam Sơn cũng như FPSO Ruby, cũng cố động lực chính của công ty với tốc độ tăng trưởng kép là 24,1% trong 2022-23. Đáng chú ý, công ty cũng sẽ tham gia đấu thầu tàu FSO cho dự án Lô B khi dự án được khởi động. Chúng tôi cho rằng đây sẽ là động lực tăng giá tiềm năng cho PVS trong thời gian tới.

Chúng tôi dự báo tăng trưởng kép LN ròng sẽ đạt 26,7% trong 2022-24

Tại ĐHCĐ 2022, dù không đề cập đến thời điểm triển khai nhưng PVS kỳ vọng dự án Lô B sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho công ty trong những năm tới. Công ty cũng đặt mục tiêu mảng điện gió ngoài khơi sẽ là động lực tăng trưởng dài hạn, trong đó PVS sẽ tham gia với tư cách vừa là chủ đầu tư vừa là nhà thầu EPC. Trong 2022, PVS đặt kế hoạch thận trọng với DT là 10.000 tỷ đồng (-29,7% svck) và LNST là 488 tỷ đồng (-28% svck). Chúng tôi tin rằng PVS sẽ dễ dàng vượt kế hoạch này và có thể đạt mức tăng trưởng kép LN ròng là 26,7% trong 2022-24, nhờ: (1) đóng góp vững chắc của các liên doanh FSO/FPSO, và (2) triển vọng được cải thiện của mảng M&C từ năm 2022. Ngoài ra, PVS dự kiến sẽ chia cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 8% và 7% mệnh giá cho năm 2021-22.

Nâng khuyến nghị lên Khả Quan; giá mục tiêu không đổi là 35.500 đ/cp

Theo sau đà tăng giá dầu, PVS bắt đầu cho thấy sự phục hồi trong các HĐKD cốt lõi với KQKD Q1/22 khả quan và mảng M&C phục hồi. Chúng tôi cho rằng đợt điều chỉnh hiện tại của thị trường đã đưa cổ phiếu PVS trở lại vùng giá hấp dẫn. Do đó, chúng tôi nâng khuyến nghị lên Khả Quan với giá mục tiêu không đổi là 35.500 đồng. Rủi ro giảm giá bao gồm sự sụt giảm giá dầu và sự chậm trễ trong việc trao thầu các dự án lớn.

Tổng quan tài chính (VND)	12-20A	12-21A	12-22E	12-23E
Doanh thu thuần (tỷ)	20.180	14.221	19.654	23.276
Tăng trưởng DT thuần	20,2%	(29,5%)	38,2%	18,4%
Biên lợi nhuận gộp	3,9%	6,2%	6,2%	6,4%
Biên EBITDA	8,0%	9,6%	9,8%	9,4%
LN ròng (tỷ)	624	602	938	1.137
Tăng trưởng LN ròng	(39,6%)	(3,5%)	55,9%	21,2%
Tăng trưởng LN cốt lõi	(39,6%)	(3,5%)	55,9%	21,2%
EPS cơ bản	1.306	1.260	1.963	2.379
EPS điều chỉnh	1.149	1.108	1.728	2.093
BVPS	25.411	24.674	25.771	25.507
ROAE	5,1%	5,0%	7,8%	9,3%

Nguồn: VND RESEARCH

PHỤC HỒI MẠNH MỀ ĐẾN TỪ CÁC HĐKD CỐT LÕI

KQKD Q1/22 tăng mạnh, đánh dấu sự phục hồi của các HĐKD cốt lõi

Hình 1: Tổng quan KQKD Q1/22

ĐVT: Tỷ đồng	Q1/21	Q1/22	% svck	% sv dự phóng 2022	Nhận định
Doanh thu thuần	2.614	3.769	44,2%	19,2%	Doanh thu thuần Q1/22 tăng 44,2% svck nhờ khối lượng công việc cho mảng O&M và M&C cao hơn đến từ các hợp đồng EPC mới được trao trong nửa cuối năm 2021 như Gallaf Batch 3, Shwe Phase 3 hay dự án điện gió Hai Long
Tàu dịch vụ	358	321	-10,2%		
FSO/FPSO	458	433	-5,6%		
Khảo sát địa chấn/địa chất công trình	59	75	26,8%		
Cần cù cảng	369	314	-15,1%		
Cơ khí & Xây lắp (M&C)	1.228	2.048	66,8%		
Vận hành & Bảo dưỡng (O&M)	32	425	1209,9%		
Dịch vụ khác	110	154	40,9%		
LN gộp	179	193	7,8%	15,9%	LN gộp Q1/22 chỉ tăng 7,8% svck do các dự án EPC lớn đang trong giai đoạn đầu
Tàu dịch vụ	30	28	-7,1%		
FSO/FPSO	36	52	42,7%		
Khảo sát địa chấn/địa chất công trình	(10)	(12)	30,1%		
Cần cù cảng	56	70	25,1%		
Cơ khí & Xây lắp (M&C)	44	36	-17,6%		
Vận hành & Bảo dưỡng (O&M)	18	5	-74,7%		
Dịch vụ khác	3	14	319,2%		
Biên LN gộp	6,8%	5,1%	-1,7 điểm %		
Tàu dịch vụ	8,3%	8,6%	0,3 điểm %		
FSO/FPSO	7,9%	12,0%	4,1 điểm %		
Khảo sát địa chấn/địa chất công trình	NA	NA	NA		
Cần cù cảng	15,2%	22,5%	7,2 điểm %		
Cơ khí & Xây lắp (M&C)	3,6%	1,8%	-1,8 điểm %		
Vận hành & Bảo dưỡng (O&M)	56,3%	1,1%	-55,2 điểm %		
Dịch vụ khác	3,1%	9,2%	6,1 điểm %		
Chi phí bán hàng	22	15	-31,8%		
Chi phí QLDN	191	150	-21,2%		Chi phí QLDN Q1/22 giảm 21,2% svck nhờ chi phí nhân công và chi phí dự phòng thấp hơn svck
EBIT	(35)	27	NA		
Lãi (lỗ) từ hoạt động tài chính	56	64	13,9%		
Lãi/lỗ từ công ty LDK	157	162	13,8%	26,5%	Thu nhập từ công ty liên kết tiếp tục đóng vai trò chính trong HĐKD của PVS với tốc độ tăng trưởng 13,8% đạt 162 tỷ đồng trong Q1/22. Chúng tôi kỳ vọng PVS sẽ sớm đạt được hợp đồng gia hạn cho FPSO Lam Sơn và FPSO Ruby, củng cố triển vọng của mảng kinh doanh này
Thu nhập khác	42	58	36,2%		PVS ghi nhận khoản thu nhập từ thanh lý tài sản là 62,4 tỷ đồng. Trong quý này, PVS thông báo đã bàn giao thành công 2 tàu địa chấn của công ty thành viên PTSC CGGV
LNTT	221	311	41,0%	22,4%	
LNST	164	250	52,9%		
LN ròng	145	216	49,5%	23,0%	Phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Nâng khuyến nghị lên Khả Quan; giá mục tiêu không đổi là 35.500 đ/cp

Nhờ giá dầu tăng, các hoạt động kinh doanh (HĐKD) chính của PVS đã cho thấy sự phục hồi trong Q1/22, đặc biệt là các liên doanh FSO/FPSO và mảng Cơ khí & Xây lắp (M&C). Trong bối cảnh giá dầu tiếp tục duy trì ở mức cao và triển vọng công ty đang phục hồi tích cực, chúng tôi cho rằng đợt điều chỉnh hiện nay của thị trường đã đưa cổ phiếu PVS trở lại vùng giá hấp dẫn. Do đó, chúng tôi nâng khuyến nghị lên Khả Quan với giá mục tiêu không đổi là 35.500

đồng. Giá mục tiêu của chúng tôi vẫn dựa trên tỷ trọng tương đương định giá DCF và P/E mục tiêu năm 2022 là 17,9 lần.

Động lực tăng giá và rủi ro giảm giá:

- Động lực tăng giá đến từ đà tăng mạnh của giá dầu.
- Rủi ro giảm giá bao gồm sự sụt giảm giá dầu và sự chậm trễ trong việc trao thầu các dự án lớn.

Hình 2: Giá mục tiêu

Phương pháp	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ trọng (%)	Đóng góp (VND/cp)
DCF	35.826	50%	17.913
P/E mục tiêu 2022 ở mức 17.9x	35.106	50%	17.553
Giá mục tiêu			35.466
Giá mục tiêu (làm tròn)			35.500

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 3: Định giá DCF – Tóm tắt dự phóng dòng tiền (FCF)

Tỷ đồng	12/22	12/23	12/24	12/25	12/30	12/35	CAGR 2021-35
Tổng doanh thu	19.654	23.276	20.449	21.471	26.499	30.498	5,6%
% svck	38,2%	18,4%	-12,1%	5,0%	3,9%	2,3%	
GVHB & OPEX	(19.300)	(22.729)	(19.916)	(20.911)	(25.808)	(29.703)	
EBIT	354	547	533	560	691	796	
<i>Biên LN hoạt động KD</i>	1,8%	2,4%	2,6%	2,6%	2,6%	2,6%	
Thuế khả dụng	20,0%	20,0%	20,0%	20,0%	20,0%	20,0%	
EBIT x (1-mức thuế)	283	438	427	448	553	636	
+ Chi phí khấu hao	500	474	462	580	715	823	
<i>% doanh thu</i>	2,5%	2,0%	2,3%	2,7%	2,7%	2,7%	
- Capex	(343)	(406)	(356)	(374)	(462)	(532)	
<i>% doanh thu</i>	-1,7%	-1,7%	-1,7%	-1,7%	-1,7%	-1,7%	
+ Thay đổi vốn lưu động	706	(273)	257	(429)	(530)	(610)	
<i>% doanh thu</i>	3,6%	-1,2%	1,3%	-2,0%	-2,0%	-2,0%	
Chi phí lãi vay và các hoạt động TC khác	1.033	1.134	1.275	1.074	1.325	1.525	
<i>% doanh thu</i>	5,3%	4,9%	6,2%	5,0%	5,0%	5,0%	
Dòng tiền tự do (UFCF)	2.180	1.366	2.065	1.298	1.602	1.843	6,9%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: Chi phí VCSH

Chi phí VCSH	
Lãi suất phi rủi ro	3,0%
Beta	1,3
Phần bù rủi ro thị trường	11,0%
Chi phí VCSH	17,3%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: WACC và Tăng trưởng dài hạn

Tỷ đồng	
Vốn hóa	11.793
Nợ	1.245
Chi phí nợ	5,0%
Mức thuế	20,0%
WACC	16,0%
Tăng trưởng dài hạn	1,5%

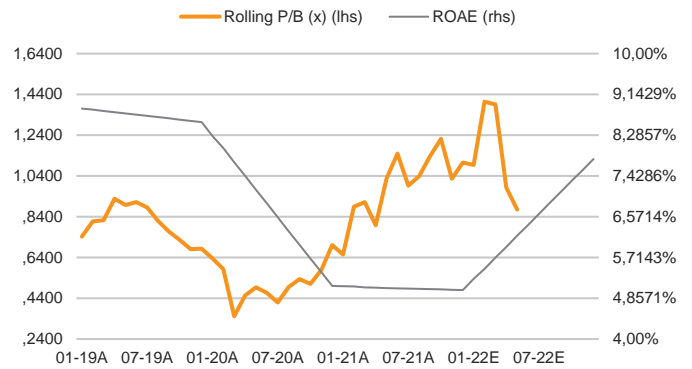
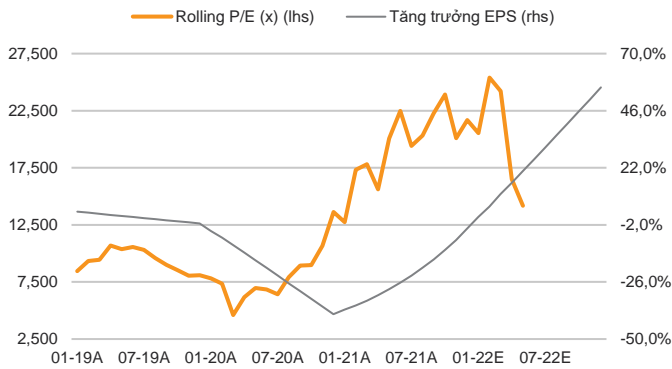
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: So sánh các doanh nghiệp cùng ngành

Công ty	Mã CK	Khuyến nghị	Giá hiện tại		Giá mục tiêu	Vốn hóa	P/E (x)		Tăng trưởng EPS 3 năm (%)	P/B (x)		ROE (%)		ROA (%)	
			Nội tệ	Nội tệ			2022	2023		2022	2023	2022	2023	2022	2023
Malaysia Marine Eng	MMHE MK	KKN	0,41	NA	144,3	NA	39,5		0,4	0,4	0,2%	2,1%	0,9%	1,0%	
Ynson Holdings	YNS MK	KKN	2,37	NA	1.117	12,0	8,3		1,4	1,0	12,3%	14,8%	4,0%	5,7%	
Sembcorp Marine	SMM SP	KKN	0,10	NA	2.170	NA	NA		0,8	0,8	-5,4%	-1,4%	-2,7%	-0,4%	
Hyundai Engineering	000720 KS	KKN	43.400	NA	3.698	11,4	8,6		0,7	0,6	6,7%	7,1%	3,1%	3,5%	
Keppel Corp	KEP SP	KKN	6,69	NA	8.495	13,6	12,7		0,9	0,9	7,3%	7,8%	2,9%	3,0%	
<i>Trung bình</i>							12,3	17,3		0,8	0,7	4,2%	6,1%	1,6%	2,5%
PTSC	PVS VN	KHẢ QUAN	22.000	35.500	479	11,2	9,2	26,7%	0,9	0,9	7,8%	9,3%	3,8%	4,6%	

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH (DỮ LIỆU NGÀY 09/05)

Định giá



Báo cáo KQ HĐKD

(tỷ VND)	12-21A	12-22E	12-23E
Doanh thu thuần	14.221	19.654	23.276
Giá vốn hàng bán	(13.345)	(18.445)	(21.786)
Chi phí quản lý DN	(781)	(747)	(815)
Chi phí bán hàng	(90)	(108)	(128)
LN hoạt động thuần	5	354	547
EBITDA thuần	505	855	1.021
Chi phí khấu hao	(500)	(500)	(474)
LN HĐ trước thuế & lãi vay	5	354	547
Thu nhập lãi	278	329	327
Chi phí tài chính	(94)	(86)	(91)
Thu nhập ròng khác	214	177	116
TN từ các Cty LK & LD	414	613	781
LN trước thuế	816	1.387	1.681
Thuế	(138)	(330)	(400)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(76)	(118)	(143)
LN ròng	602	938	1.137
Thu nhập trên vốn	602	938	1.137
Cổ tức phổ thông	(533)	(478)	(478)
LN giữ lại	69	460	659

Bảng cân đối kế toán

(tỷ VND)	12-21A	12-22E	12-23E
Tiền và tương đương tiền	5.754	6.051	5.685
Đầu tư ngắn hạn	2.670	2.670	2.670
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.620	4.846	5.612
Hàng tồn kho	2.161	1.533	1.671
Các tài sản ngắn hạn khác	241	333	395
Tổng tài sản ngắn hạn	15.446	15.433	16.033
Tài sản cố định	2.982	2.824	2.756
Tổng đầu tư	4.910	4.794	4.804
Tài sản dài hạn khác	1.356	1.288	1.224
Tổng tài sản	24.693	24.339	24.818
Vay & nợ ngắn hạn	711	517	435
Phải trả người bán	4.293	4.598	5.229
Nợ ngắn hạn khác	3.622	2.703	2.816
Tổng nợ ngắn hạn	8.626	7.817	8.480
Vay & nợ dài hạn	534	477	455
Các khoản phải trả khác	3.012	3.012	3.012
Vốn điều lệ và	4.780	4.780	4.780
LN giữ lại	3.622	3.994	3.684
Vốn chủ sở hữu	11.793	12.318	12.192
Lợi ích cổ đông thiểu số	728	716	679
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	24.693	24.339	24.818

Báo cáo LCTT

(tỷ VND)	12-21A	12-22E	12-23E
LN trước thuế	816	1.387	1.681
Khấu hao	500	500	474
Thuế đã nộp	(155)	(271)	(328)
Các khoản điều chỉnh khác	(1.062)	(1.155)	(1.135)
Thay đổi VLD	(340)	706	(273)
LC tiền thuần HĐKD	(241)	1.167	419
Đầu tư TSCĐ	(248)	(343)	(406)
Thu từ TL, nhượng bán TSCĐ	14	14	14
Các khoản khác	1.504	188	188
Thay đổi tài sản dài hạn khác			
LC tiền từ HĐĐT	1.270	(140)	(204)
Thu từ PH CP, nhận góp VCSH	0	0	0
Trả vốn góp CSH, mua CP quỹ			
Tiền vay rộng nhận được	45	(252)	(103)
Dòng tiền từ HĐTC khác			
Cổ tức, LN đã trả cho CSH	(533)	(478)	(478)
LC tiền thuần HĐTC	(488)	(730)	(581)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5.212	5.754	6.051
LC tiền thuần trong năm	542	297	(366)
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5.754	6.051	5.685

Các chỉ số cơ bản

	12-21A	12-22E	12-23E
Dupont			
Biên LN ròng	4,2%	4,8%	4,9%
Vòng quay TS	0,56	0,80	0,95
ROAA	2,4%	3,8%	4,6%
Đòn bẩy tài chính	2,13	2,03	2,01
ROAE	5,0%	7,8%	9,3%
Hiệu quả			
Số ngày phải thu	118,6	90,0	88,0
Số ngày nắm giữ HTK	59,1	30,3	28,0
Số ngày phải trả tiền bán	117,4	91,0	87,6
Vòng quay TSCĐ	4,65	6,77	8,34
ROIC	4,4%	6,7%	8,3%
Thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,8	2,0	1,9
Khả năng thanh toán nhanh	1,5	1,8	1,7
Khả năng thanh toán tiền mặt	1,0	1,1	1,0
Vòng quay tiền	60,2	29,3	28,4
Chỉ số tăng trưởng (yoy)			
Tăng trưởng DT thuần	(29,5%)	38,2%	18,4%
Tăng trưởng LN từ HĐKD		7.383,8%	54,4%
Tăng trưởng LN ròng	(3,5%)	55,9%	21,2%
Tăng trưởng EPS	(3,5%)	55,9%	21,2%

Nguồn: VND RESEARCH

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

TÍCH CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG TÍNH	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TIÊU CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Trần Khánh Hiền – Giám đốc Phân tích

Email: hien.trankhanh@vndirect.com.vn

Nguyễn Tiến Dũng – Chuyên viên Phân tích cao cấp

Email: dung.nguyentien5@vndirect.com.vn

Nguyễn Ngọc Hải – Chuyên viên Phân tích

Email: hai.nguyenngoc2@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>